

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HS-ST.

Ngày: 02/6/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Ng và bà Nguyễn Thị S.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Th – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Q - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 04 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40B/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 04 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/HSST- QĐ ngày 29/04/2021, Quyết định 107/2021/HSST- QĐ ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K, đối với các bị cáo:

1.A D, sinh 1994 tại Kon Tum. Nơi đăng ký hộ khẩu và thường trú: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A D1 (sinh năm 1968) và bà Y Ph (sinh năm 1965); cùng trú tại: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K; Tiền án; Tiền sự không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến nay. Có mặt.

2. A Nh, sinh năm 1999 tại Kon Tum. Nơi đăng ký hộ khẩu và thường trú: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông D (sinh năm 1968) và bà Y Nh (sinh năm 1970); cùng trú tại: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án (Bản án số 36/2019/HS-ST, ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân thành phố K, tỉnh K xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”). Ngày 22/01/2020 chấp hành xong hình phạt, chưa xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến nay. Có mặt.

3. A P (tên gọi khác: A L), sinh ngày 28/4/2003 tại Kon Tum. Nơi đăng ký hộ khẩu và thường trú: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A P1 (sinh năm 1970) và bà Y D1 (sinh năm 1970) cùng trú tại Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 103/2020/HS-ST, ngày 17/9/2010 của Tòa án nhân thành phố K, tỉnh K xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/12/2020 chấp hành xong hình phạt, xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến nay. Có mặt.

4. A N, sinh ngày 12/12/2003; Nơi đăng ký hộ khẩu và thường trú: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A N1 (sinh năm 1968) và bà H (sinh năm 1972); cùng trú tại Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo A Nuk: Ông A N1: Trú tại Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo A N: Bà Đặng Thị Kim Ng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh K. Có mặt.

- **Người bị hại:** Chị Y, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn KonLor 2, xã Đăk Rơ Wa, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông A Puk, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

2. Bà Y BL, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

3. Anh A K, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 24/01/2021, A D điều khiển xe mô tô BKS 82B1-482.25 chở A Nh đi chơi trong thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nh, thành phố K thì gặp A P (tên gọi khác: A L) điều khiển xe mô tô BKS 82B1- 911.94 chở

A N đi tới, A D rủ tất cả đi qua xã Đắk Rơ Wa, thành phố K chơi, tất cả đồng ý. A D tiếp tục chở A Nh, A P chở A N cùng đi qua địa bàn xã Đắk Rơ Wa, thành phố K. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi tất cả đang đi trên đường bê tông số 1 thuộc thôn KonLor 2, xã Đắk Rơ Wa, thành phố K thì A D phát hiện trong sân nhà chị Y có một cái loa, nhãn hiệu NaNoMax K- 1000, màu vàng đen, không có ai trông coi, cổng nhà đã khóa, A D quay đầu xe dừng gần hàng rào nhà chị Y, A P đang đi phía trước cũng quay xe lại dừng cạnh xe A D, lúc này, A D nói với cả bọn “*Loa kìa, lấy về nghe nhạc*”, thì tất cả đều đồng ý, A Nh và A N xuống xe đi tới sát hàng rào nhà chị Y, A Nh trèo qua hàng rào lưới B40 để vào sân nhà lấy chiếc loa, A N đứng phía ngoài hàng rào chờ khi A Nh đưa loa ra thì bung lấy, A D và A P ngồi trên xe mô tô cảnh giới. Khi A Nh vừa bung chiếc loa thì bị lực lượng Công an xã Đắk Rơ Wa, thành phố K bắt quả tang.

Kết luận định giá tài sản số 10/ĐG-TS ngày 27/01/2021 của Hội đồng ĐGTS trong Tổ tụng hình sự UBND thành phố K kết luận: Giá trị 01 (một) chiếc loa, nhãn hiệu NaNoMax K- 1000, màu vàng đen là 5.113.000 đồng (*Năm triệu, một trăm mười ba nghìn đồng*).

Cáo trạng số 44/CT-VKSTPKT ngày 31/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo A D, A Nh, A P, A N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 (một) cái loa, nhãn hiệu NaNoMax K- 1000, màu vàng đen. Cơ quan CSĐT công an thành phố K đã xác định được chủ sở hữu là chị Yn, xét không cần thiết phải tạm giữ nên đã trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, màu đen BKS 82B1-911.94, Cơ quan CSĐT công an thành phố K đã xác định được chủ sở hữu là ông A P1. Ông A P1 cho bị cáo A P mượn xe đi đám cưới và không biết việc A P sử dụng xe đi trộm cắp nên đã trả lại cho ông A P1.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, màu trắng, đen BKS 82B1- 482.25, Cơ quan CSĐT công an thành phố K đã xác định được chủ sở hữu là bà Y B1. Bà Y B1 cho con trai là A K mượn xe để đi đám cưới, sau đó, A K cho bị cáo A D mượn đi chơi và không biết việc A D sử dụng xe đi trộm cắp nên đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Y B1.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Y đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo A D, A Nh, A P, A N như Cáo trạng và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Áp dụng khoản 1 Điều 173; điều 38, điều 57; điểm s,i khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo A D từ 09 đến 12 tháng tù.

+Áp dụng khoản 1 Điều 173; điều 38, 57; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo A Nh từ 09 đến 12 tháng tù.

+Áp dụng khoản 1 Điều 173; điều 38,57, 101; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo A P từ 06 đến 09 tháng tù.

+Áp dụng khoản 1 Điều 173; điều 54, 57, 101; điểm s,i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo A N từ 05 đến 07 tháng tù.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo A N không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo A N: Đồng ý quan điểm luận tội và mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát thành phố K về hành vi phạm tội của bị cáo A N. Tuy nhiên, bị cáo A N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo A N.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử toàn bộ vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi truy tố các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào khoảng 22 giờ ngày 24/01/2021, bị cáo A D cùng với các bị cáo A Nh, A P, A N đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc loa (loại loa thùng kéo Karaoke), nhãn hiệu NaNoMax K- 1000, màu vàng đen của chị Yulen, trị giá 5.113.000 đồng (*Năm triệu, một trăm mười ba nghìn đồng*). Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 44/CT-VKSTPKT ngày 31/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, giao trách nhiệm cho từng người. Bị cáo A D là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo A Nh là người trực tiếp trèo qua hàng rào vào sân nhà chị Y bung loa; bị cáo A D, A N, A P tuy không trực tiếp thực hiện nhưng là người giúp sức tích cực (đứng ngoài cảnh giới) cho bị cáo A Nh thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật những vẫn cố ý thực hiện. Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố KonTum.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo A D là người rủ các bị cáo khác đi trộm cắp, trong đó có bị cáo A P, A N là người chưa thành niên, thuộc trường hợp “*Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo A Nh có 01 tiền án về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích mà phạm tội mới, thuộc trường hợp “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi của mình, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo A D và A N có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo A P và A N khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên (A P 17 tuổi 8 tháng 27 ngày, A N 17 tuổi 1 tháng 12 ngày) nên áp dụng các Điều 90, 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt. Bị cáo A N có hai tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu nên áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt.

Ngoài ra, các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản (bị cáo A Nh vừa bung chiếc loa lên thì bị Công an phát hiện bắt giữ), thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 57 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[5] Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo với đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 (một) cái loa, nhãn hiệu NaNoMax K-1000, màu vàng đen đã được trả lại cho chị Y là phù hợp.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, màu đen, BKS 82B1-911.94, Cơ quan CSĐT công an thành phố K đã xác định được chủ sở hữu là ông A Pưk. Ông A P1 cho bị cáo A P mượn xe đi đám cưới và không biết việc A P sử dụng xe đi trộm cắp nên đã trả lại cho ông A P1 là có cơ sở.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, màu trắng đen BKS 82B1-482.25, Cơ quan CSĐT công an thành phố K đã xác định được chủ sở hữu là bà Y BL. Bà Y BL cho con trai là A K1s mượn xe đi đám cưới, sau đó, A K1 cho bị cáo A D mượn đi chơi và không biết việc A D sử dụng xe đi trộm cắp nên đã trả lại cho bà Y BL là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo A D, A Nh, A P, A N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo A N là người chưa thành niên nên ông A N (cha của bị cáo) có nghĩa vụ nộp thay cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo A D, A Nh, A P (tên gọi khác: A L), A N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt

+Áp dụng khoản 1 Điều 173,38,57; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự . Xử phạt bị cáo **A D 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 25/01/2021;

+Áp dụng khoản 1 Điều 173; 38,57; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **A N 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 25/01/2021;

+Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 57, 90, 91 và khoản 1 Điều 101; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **A P (tên gọi khác: A L) 06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 25/01/2021;

+Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 54,57, Điều 90, 91 và khoản 1 Điều 101; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **A N 05 (Năm)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 25/01/2021.

3.Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo A D, A Nh, A P, A N, mỗi

bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo A Nuk là người dưới 18 tuổi nên người đại diện hợp pháp của bị cáo A N là ông A N1 phải nộp thay cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo A N, người đại diện hợp pháp của A N có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Km;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND TP.K;
- Công an TP.K;
- Chi cục THADS TP.K;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP.Kon Tum;
- Công an TP.Kon Tum;
- Chi cục THADS TP.KonTum;
- Những người TGT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thu